



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Chuyên sản xuất bao PP dệt, túi siêu thị, vải địa kỹ thuật

- Văn phòng: 414 Lầu 5 - Lũy Bán Bích - P. Hoà Thạnh - Q. Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84.28) 3973 7277 - 3973 7278 - 3973 7276 \* Fax: (84.28) 3973 7279
- Nhà máy: C11 - C15 Cụm CN nhựa Đức Hòa Hạ - Huyện Đức Hoà - Tỉnh Long An  
Tel: (84) 0272.377 9328 \* Fax: (84) 0272.377 9255  
Email: tdhplastic@gmail.com - Website: www.tandaihungplastic.com



Số: 05/2026/CV-TDH  
No: 05/2026/CV-TDH

TP.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2026  
Ho Chi Minh City, January 15, 2026

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán nhà nước/ *The State Securities Commission*

Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Ho chi minh Stock Exchange*

Tên công ty / *Company name*: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng/ *Tan Dai Hung Plastic Joint Stock Company*

Địa chỉ/ *Address*: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, P. Tân Phú, TP.HCM/ *414 Fl 5 Luy Ban Bich Str, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City*

Điện thoại/ *Tel*: (84.28) 39737277 Fax: (84.28) 39737279

Mã chứng khoán/ *Stock symbol*: TPC

Sàn niêm yết/ *Stock Exchange*: Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho chi minh Stock Exchange*

Người thực hiện công bố thông tin/ *Person authorized to disclose information*: **Tôn Thị Hồng Minh** – P. Chủ tịch HĐQT là người được ủy quyền CBTT/ *Vice Chairperson and person authorized to disclose information*

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường/ *Abnormal* ☐ Theo yêu cầu/ *As request* ☒ Định kỳ/ *Periodic*

Nội dung thông tin công bố/ *Information disclose*:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025/ *Report on corporate governance year 2025*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày/ *This information was published on the company's website on 15/01/2026 tại đường dẫn/ at: <http://tandaihungplastic.com/>.*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận/ *Recipients*:

- Như kính gửi/ *As respectfully recipients*;
- Lưu/ *Achieved*: VP/ *Clerical dept.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT  
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE  
INFORMATION  
VICE CHAIRPERSON



Tôn Thị Hồng Minh



**Phụ lục V/ Appendix V**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)/(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**  
**TAN DAI HUNG PLASTIC**  
**JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Số: 04/2026/CV-TDH  
No:04/2026/CV-TDH

TP.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2026  
HCM City, day 15 month 01 year 2026

**BÁO CÁO/ REPORT**

**Tình hình quản trị công ty/ ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**(Năm 2025)/ (Year 2025)**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

To:

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng/  
*Tan Dai Hung Plastic Joint stock company*

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 414 Lầu 5 Luỹ Bán Bích, P.  
Tân Phú, TP.HCM/414 Fl 5 Luy Ban Bich Str, Tan Phu Ward, HCMC

- Điện thoại/Tel: (84.28) 39737277 - Fax: (84.28) 39737279

Email: taichinhketoan@tandaihungplastic.com

- Vốn điều lệ/Charter capital: 244.305.960.000 đồng/244.305.960.000 VND

- Mã chứng khoán/Stock symbol: TPC

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc/General Meeting of Shareholders, BOD, BOS, General Director and Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện /The implementation of internal audit: Implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**



Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| Stt No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                        |
|---------|------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 01.2025/NQ.ĐHĐCĐ                                           | 26/04/2025          | NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/<br><i>Resolutions of AGM of 2025</i>                                               |
| 2       | 02.2025/NQ.ĐHĐCĐ                                           | 26/09/2025          | NQ ĐHĐCĐ bất thường năm 2025/<br><i>Resolutions of extraordinary general meeting of 2025</i>                      |
| 3       | 03.2025/NQ.ĐHĐCĐ                                           | 01/12/2025          | NQ ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 lần 2/<br><i>Resolutions of 2<sup>nd</sup> extraordinary general meeting of 2025</i> |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)/*BOD (Annual report 2025):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the BOD:*

| Stt No. | Thành viên HĐQT/<br><i>BOD' members</i>                      | Chức vụ/<br><i>Position</i><br>(thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)/ <i>Independent members of the BOD, Non-executive members of the BOD)</i> | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the BOD</i> |                                                          |
|---------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|         |                                                              |                                                                                                                                                             | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of appointment</i>                                                                             | Ngày miễn nhiệm<br><i>Date of dismissal</i>              |
| 1       | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương/<br><i>Ms Pham Do Diem Huong</i>       | Chủ tịch HĐQT không điều hành/ <i>Non-executive Chairperson</i>                                                                                             |                                                                                                                         | <i>Dismissed at 10/04/2025/ Từ nhiệm ngày 10/04/2025</i> |
| 2       | Ông Phạm Trung Cang/<br><i>Mr Pham Trung Cang</i>            | Chủ tịch HĐQT không điều hành/ <i>Non-executive Chairperson</i>                                                                                             | <i>Bổ nhiệm ngày 10/04/2025/ Appointment at 10/04/2025</i>                                                              |                                                          |
| 3       | Ông Phạm Văn Mẹo/<br><i>Mr Pham Van Meo</i>                  | P. Chủ tịch HĐQT kiêm TGD/ <i>Vice chairperson and general director</i>                                                                                     |                                                                                                                         | <i>Dismissed at 10/04/2025/ Từ nhiệm ngày 10/04/2025</i> |
| 4       | Bà Tôn Thị Hồng Minh/<br><i>Ms Ton Thi Hong Minh</i>         | P. Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD/ <i>Vice chairperson and deputy general director</i>                                                                             | <i>Tái bổ nhiệm 10/04/2025/ Re-appointment at 10/04/2025</i>                                                            |                                                          |
| 5       | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan/<br><i>Ms Nguyen Thi Thanh Loan</i> | Thành viên HĐQT kiêm KTT/ <i>Members of the BOD and chief accountant</i>                                                                                    |                                                                                                                         | <i>Dismissed at 10/04/2025/ Từ nhiệm ngày 10/04/2025</i> |
| 6       | Ông Trần Hữu Vinh/<br><i>Mr Tran Huu Vinh</i>                | Thành viên HĐQT/<br><i>Members of the BOD</i>                                                                                                               |                                                                                                                         | <i>Dismissed at 10/04/2025/</i>                          |



|   |                                                   |                                                              |                                                              |                                                            |
|---|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|   |                                                   |                                                              |                                                              | Từ nhiệm ngày<br>10/04/2025                                |
| 7 | Bà Phạm Thị Trúc Ngân/<br>Ms Pham Thi Truc Ngan   | Thành viên HĐQT độc<br>lập/Independent members<br>of the BOD |                                                              | Dismissed at<br>10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày<br>10/04/2025 |
| 8 | Ông Huỳnh Minh Việt/<br>Mr Huynh Minh Viet        | Thành viên HĐQT độc<br>lập/Independent<br>members of the BOD |                                                              | Dismissed at<br>10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày<br>10/04/2025 |
| 9 | Bà Danh Thúy Oanh/<br>Ms Danh Thuy Oanh           | Thành viên HĐQT độc<br>lập/Independent<br>members of the BOD |                                                              | Dismissed at<br>10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày<br>10/04/2025 |
| 9 | Bà Ngô Thị Thanh Huyền/<br>Ms Ngo Thi Thanh Huyen | Thành viên HĐQT độc<br>lập/Independent<br>members of the BOD | Bổ nhiệm ngày<br>10/04/2025/<br>Appointment at<br>10/04/2025 |                                                            |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the BOD:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>BOD' member                       | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự/ Number<br>of meetings<br>attended by BOD | Tỷ lệ tham<br>dự họp/<br>Attendance<br>rate | Lý do không tham dự<br>họp/Reasons for absence         |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương/<br>Ms Pham Do Diem Huong       | 3/12                                                                  | 25%                                         | Dismissed at 10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày 10/04/2025   |
| 2          | Ông Phạm Trung Cang/<br>Mr Pham Trung Cang            | 12/12                                                                 | 100%                                        |                                                        |
| 3          | Ông Phạm Văn Mẹo/<br>Mr Pham Van Meo                  | 3/12                                                                  | 25%                                         | Dismissed at 10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày 10/04/2025   |
| 4          | Bà Tôn Thị Hồng Minh/<br>Ms Ton Thi Hong Minh         | 12/12                                                                 | 100%                                        |                                                        |
| 5          | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan/<br>Ms Nguyen Thi Thanh Loan | 3/12                                                                  | 25%                                         | Dismissed at 10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày 10/04/2025   |
| 6          | Ông Trần Hữu Vinh/<br>Mr Tran Huu Vinh                | 3/12                                                                  | 25%                                         | Dismissed at 10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày 10/04/2025   |
| 7          | Bà Phạm Thị Trúc Ngân/<br>Ms Pham Thi Truc Ngan       | 3/12                                                                  | 25%                                         | Dismissed at 10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày 10/04/2025   |
| 8          | Ông Huỳnh Minh Việt/<br>Mr Huynh Minh Viet            | 3/12                                                                  | 25%                                         | Dismissed at 10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày 10/04/2025   |
| 9          | Bà Danh Thúy Oanh/<br>Ms Danh Thuy Oanh               | 3/12                                                                  | 25%                                         | Dismissed at 10/04/2025/<br>Từ nhiệm ngày 10/04/2025   |
| 10         | Bà Ngô Thị Thanh Huyền/<br>Ms Ngo Thi Thanh Huyen     | 9/12                                                                  | 75%                                         | Bổ nhiệm ngày 10/04/2025/<br>Appointment at 10/04/2025 |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the BOD:

Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh mỗi quý, kế hoạch kinh doanh hằng năm/Approved each quarter income statement, annual bussiness plant each year

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the BOD' subcommittees (If any): không có/none



5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)/Resolutions/Decisions of the BOD (Annual report of 2025):

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/<br>Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ<br>thông qua<br>Approval<br>rate |
|---------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1       | 01/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 21/01/2025   | Thông qua KQKD năm 2024 và kế hoạch 2025/ Approval 2024 income statement, and business plant for 2025                                                                                                                                                                  | 100%                                   |
| 2       | 02/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 11/02/2025   | Thông qua thực hiện các hợp đồng giao dịch, cung cấp dịch vụ hàng hóa với các bên có liên quan trong năm 2025, ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại hội cổ đông năm 2025/Approval transaction contract with related parties in 2025, record date for AGM 2025    | 100%                                   |
| 3       | 03/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 17/03/2025   | Thông qua báo cáo kiểm toán năm 2024, tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2025, thông qua báo cáo thường niên 2024, bổ nhiệm tổng giám đốc./Approval the Audited financial statements of 2024, documents of the 2025 AGM, 2024 Annual report, appointments of CEO | 100%                                   |
| 4       | 04/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 10/04/2025   | Phân công chức danh HĐQT/ Assignment positions of BOD                                                                                                                                                                                                                  | 100%                                   |
| 5       | 07/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 03/06/2025   | Thông qua thủ tục thay đổi người đại diện pháp luật/ Procedures for changing legal representative                                                                                                                                                                      | 100%                                   |
| 6       | 08/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 07/07/2025   | Thông qua thủ tục thay đổi người đại diện pháp luật/ Procedures for changing legal representative                                                                                                                                                                      | 100%                                   |
| 7       | 09/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 07/08/2025   | Thông qua BCTC Q2 2025 soát xét và ngày chốt danh sách ĐHCĐ bất thường/Approval the audited financial statements Q2 2025 and record date for extraordinary general meeting documents.                                                                                  | 100%                                   |
| 8       | 10/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 04/09/2025   | Thông qua tài liệu ĐHCĐ bất thường năm 2025/ Approval extraordinary general meeting documents                                                                                                                                                                          | 100%                                   |
| 9       | 11/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 26/09/2025   | Thông qua phương án cụ thể mua cổ phiếu quỹ/ Approval specific plan on treasury stock repurchase                                                                                                                                                                       | 100%                                   |
| 10      | 12/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 16/10/2025   | Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông ĐHCĐ bất thường 2025 lần 2/ Approval record date for extraordinary general meeting documents                                                                                                                                     | 100%                                   |
| 11      | 14/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 08/11/2025   | Thông qua BCTC Q3 2025 và qua tài liệu ĐHCĐ bất thường năm 2025 lần 2/Approval the financial statements Q3 2025 and 2 <sup>nd</sup> extraordinary general meeting documents                                                                                            | 100%                                   |
| 12      | 15/NQ.HĐQT.<br>2025                                      | 01/12/2025   | Thông qua phương án cụ thể mua cổ phiếu quỹ/ Approval specific plan on treasury stock repurchase                                                                                                                                                                       | 100%                                   |

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2025)/ Board of supervisor (Annual report of 2025):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of BOS:

| Stt No. | Thành viên BKS<br>Members of BOS | Chức vụ<br>Position | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS<br>The date becoming/ceasing to be the member of the | Trình độ chuyên môn<br>Qualification |
|---------|----------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|---------|----------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|



|   |                                                               |                                                   | BOS                                                            |                                                |
|---|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1 | Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa/<br><i>Mr Lam Nguyen Quoc Nghia</i> | Trưởng ban kiểm soát/<br><i>Head of BOS</i>       |                                                                | Thạc sĩ TCKT/<br><i>Master of accounting</i>   |
| 2 | Ông Nguyễn Khánh Luân/<br><i>Mr Nguyen Khanh Luan</i>         | Thành viên ban kiểm soát/<br><i>Member of BOS</i> |                                                                | Cử nhân TCKT/<br><i>Bachelor of accounting</i> |
| 3 | Bà Lê Thị Minh Trí/<br><i>Ms Le Thi Minh Tri</i>              | Thành viên ban kiểm soát/<br><i>Member of BOS</i> | <i>Dismissed at 10/04/2025/<br/>Từ nhiệm ngày 10/04/2025</i>   | Cử nhân TCKT/<br><i>Bachelor of accounting</i> |
| 4 | Bà Danh Thúy Oanh/<br><i>Ms Danh Thuy Oanh</i>                | Thành viên ban kiểm soát/<br><i>Member of BOS</i> | <i>Bổ nhiệm ngày 10/04/2025/<br/>Appointment at 10/04/2025</i> | Cử nhân TCKT/<br><i>Bachelor of accounting</i> |

## 2. Cuộc họp của BKS /Meetings of BOS

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of BOS</i>                       | Số buổi<br>họp tham<br>dự<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ<br>tham<br>dự<br>họp/<br><i>Attend<br/>ance<br/>rate</i> | Tỷ lệ<br>biểu<br>quyết<br><i>Voting<br/>rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i>   |
|------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa/<br><i>Mr Lam Nguyen Quoc Nghia</i> | 06/06                                                                   | 100%                                                           | 100%                                             |                                                                |
| 2          | Ông Nguyễn Khánh Luân/<br><i>Mr Nguyen Khanh Luan</i>         | 06/06                                                                   | 100%                                                           | 100%                                             |                                                                |
| 3          | Bà Lê Thị Minh Trí/<br><i>Ms Le Thi Minh Tri</i>              | 03/06                                                                   | 50%                                                            | 100%                                             | <i>Dismissed at 10/04/2025/<br/>Từ nhiệm ngày 10/04/2025</i>   |
| 4          | Bà Danh Thúy Oanh/<br><i>Ms Danh Thuy Oanh</i>                | 03/06                                                                   | 50%                                                            | 100%                                             | <i>Bổ nhiệm ngày 10/04/2025/<br/>Appointment at 10/04/2025</i> |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising BOD, Board of Management and shareholders by BOS:

- Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp, / Control the Company's business and financial activities to promptly make appropriate recommendations, and participate in meetings of the Company's BOD.
- Kiểm tra báo cáo tài chính từng quý, xem xét tính hợp lý, hợp pháp các qui trình, qui chế nội bộ của Công ty/ Control each quarter financial reports, review the reasonableness and legality of the Company's internal regulations.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/The coordination among the BOS, the Board of Management, BOD and other managers: tham gia các cuộc họp của HĐQT Công ty/ participate in meetings of BOD



5. Hoạt động khác của BKS / *Other activities of the BOS: không có/none*

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                  | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br><i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i> |
|------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Phan Minh Tâm/<br><i>Mr Phan Minh Tam</i>                   | 27/07/1978                                  | Đại học/ <i>Bachelor Degree</i>                              | Bổ nhiệm ngày 10/04/2025/<br><i>Appointment at 10/04/2025</i>                                                                         |
| 2          | Ông Phạm Văn Mẹo/<br><i>Mr Pham Van Meo</i>                     | 22/09/1963                                  | Trung cấp hành chính/ <i>administrate intermediate level</i> | Bổ nhiệm ngày 10/04/2025/<br><i>Appointment at 10/04/2025</i>                                                                         |
| 3          | Bà Tôn Thị Hồng Minh/<br><i>Ms Ton Thi Hong Minh</i>            | 14/02/1974                                  | Đại học/ <i>Bachelor Degree</i>                              |                                                                                                                                       |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên<br><i>Name</i>                            | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br><i>Date of appointment / dismissal</i> |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Trinh/<br><i>Mr Nguyen Van Trinh</i> | 10/01/1979                                  | Cử nhân TCKT/<br><i>Bachelor of accounting</i>        |                                                                     |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of BOD, the BOS, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company: theo phụ lục gửi kèm/as attached appendix*

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH\* No.: ID card No./Passport No. (As for



individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/

*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.* Không có

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH\* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the BOS, Director (General Director) have been founding members or members of BOD, or CEO in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of BOD, BOS, Director (General Director) and other managers as a member of BOD, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of BOD, members of the BOS, Director (General Director) and other managers.*



**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2025)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons: theo phụ lục gửi kèm/ as attached appendix*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như kính gửi/ *As respectfully recipients;*
- Lưu/ *Achieved: VP/ Clerical dept./*

**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**VICE CHAIRPERSON OF THE BOD**

(Sign full name and seal)



**Lên Thị Hồng Minh**



DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ  
LIST OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

Báo cáo tình hình quản trị năm 2025

Report on corporate governance year 2025

Kính gửi/to: Ủy ban Chứng khoán nhà nước/The State Securities Commission  
Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM/Ho Chi Minh Stock Exchange

| Stt No. | Mã CK Stock Code | Họ tên Name           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Transaction account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position (if any)                                        | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|---------|------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                | 3                     | 4                                                                     | 5                                                                                     | 6                                        | 7                                                | 8               | 9                      | 10                     | 11                                            | 12                         | 13                            | 14                                                               | 15                                                                 | 16                                                        | 17                                                         |
| 1       | TPC              | Phạm Trung Cang       |                                                                       | Chủ tịch HĐQT/ Chairperson                                                            | Người nội bộ/ Internal Person            |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 3,223,220                  | 13.19%                        | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Phạm Văn Mẹo          |                                                                       | Phó Tổng giám đốc/Deputy general director                                             | Em/Brother                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 55,000                     | 0.23%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Đỗ Thị Quế Thanh      |                                                                       | Không/None                                                                            | Vợ/Wife                                  |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 960,000                    | 3.93%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Phạm Đỗ Quế Hương     |                                                                       | Không/None                                                                            | Con/Child                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 720,000                    | 2.95%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Phạm Đỗ Diễm Hương    |                                                                       | Không/None                                                                            | Con/Child                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 896,700                    | 3.67%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
| 2       | TPC              | Tôn Thị Hồng Minh     |                                                                       | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc/Vice chairperson and deputy general director | Người nội bộ/ Internal Person            |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 704,000                    | 2.88%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Tôn Thiện Bình        |                                                                       | Không/None                                                                            | Cha/Father                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Lại Thị Xóm           |                                                                       | Không/None                                                                            | Mẹ/Mother                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Tôn Thị Thy Ân        |                                                                       | Không/None                                                                            | Chị/Sister                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Tôn Hương Giang       |                                                                       | Không/None                                                                            | Chị/Sister                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Tôn Lương Bình        |                                                                       | Không/None                                                                            | Anh/Brother                              |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 28/11/2007                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |
| 3       | TPC              | Nguyễn Thị Thanh Loan |                                                                       | Thành viên HĐQT/ Members of the board of director                                     | Người nội bộ/ Internal Person            |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 177,160                    | 0.73%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thị Hờ         |                                                                       | Không/None                                                                            | Mẹ/Mother                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thanh Nhân     |                                                                       | Không/None                                                                            | Anh/Brother                              |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |



| Stt No. | Mã CK Stock Code | Họ tên Name            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Transaction account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position (if any)       | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|---------|------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                | 3                      | 4                                                                     | 5                                                    | 6                                        | 7                                                | 8               | 9                      | 10                     | 11                                            | 12                         | 13                            | 14                                                               | 15                                                                 | 16                                                        | 17                                                         |
|         | TPC              | Nguyễn Thanh Vân       |                                                                       | Không/None                                           | Anh/Brother                              | CCCD                                             | 079058010684    | 10/04/2021             | Cục CS QLHC            | 190/44 Xóm đất Q.11.Tp.HCM                    | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thanh Long      |                                                                       | Không/None                                           | Anh/Brother                              | CMND                                             | 023431785       | 13/04/1996             | CA TPHCM               | 190/44 Xóm đất Q.11.Tp.HCM                    | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thanh Quan      |                                                                       | Không/None                                           | Em/Brother                               | CMND                                             | 020716153       | 27/08/1986             | CA TPHCM               | 190/44 Xóm đất Q.11.Tp.HCM                    | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thị Thanh Xuân  |                                                                       | Không/None                                           | Em/Brother                               | CMND                                             | 021635546       | 21/09/1976             | CA TPHCM               | 190/44 Xóm đất Q.11.Tp.HCM                    | 360                        | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn thanh Tùng      |                                                                       | Không/None                                           | Em/Brother                               | CMND                                             | 021848808       | 04/08/1993             | CA TPHCM               | 190/44 Xóm đất Q.11.Tp.HCM                    | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thị Thanh Nhung |                                                                       | Không/None                                           | Em/Brother                               | CMND                                             | 022533042       | 25/08/1988             | CA TPHCM               | 190/44 Xóm đất Q.11.Tp.HCM                    | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Trần Phi Sơn           |                                                                       | Không/None                                           | Chồng/Husband                            | CMND                                             | 020027321       | 21/09/2001             | CA TPHCM               | 101/51E Phạm Đình Hồ, P6, Q6, TPHCM           | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Trần Thị Thanh Huyền   |                                                                       | Không/None                                           | Con/Child                                | CMND                                             | 024228327       | 21/09/2001             | CA TPHCM               | 101/51E Phạm Đình Hồ, P6, Q6, TPHCM           | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Trần Duy Hào           |                                                                       | Không/None                                           | Con/Child                                | CCCD                                             | 079094037203    | 22/11/2021             | Cục CS QLHC            | 101/51E Phạm Đình Hồ, P6, Q6, TPHCM           | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
| 4       | TPC              | Trần Hữu Vinh          |                                                                       | Thành viên HĐQT/<br>Members of the board of director | Người nội bộ/<br>Internal Person         |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 7,600                      | 0.03%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Phạm Thị Bé Năm        |                                                                       | Không/None                                           | Vợ/Wife                                  |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Trần Kim Yến Vy        |                                                                       | Không/None                                           | Con/Child                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           | Còn nhỏ                                                    |
|         | TPC              | Trần Kim Yến Ngọc      |                                                                       | Không/None                                           | Con/Child                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           | Còn nhỏ                                                    |
| 5       | TPC              | Phạm Thị Trúc Ngân     |                                                                       | Thành viên HĐQT/<br>Members of the board of director | Người nội bộ/<br>Internal Person         |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 1,000                      | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Phạm Xuân Nghiêm       |                                                                       | Không/None                                           | Cha/Father                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thị Mai         |                                                                       | Không/None                                           | Mẹ/Mother                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Hoàng Quốc Thắng       |                                                                       | Không/None                                           | Chồng/Husband                            |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Hoàng Ngọc Bảo Yến     |                                                                       | Không/None                                           | Con/Child                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           | Còn nhỏ                                                    |
|         | TPC              | Hoàng Tùng Lâm         |                                                                       | Không/None                                           | Con/Child                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           | Còn nhỏ                                                    |
|         | TPC              | Phạm Thị Trúc Giang    |                                                                       | Không/None                                           | Em/Brother                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Phạm Xuân Khánh        |                                                                       | Không/None                                           | Em/Brother                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
| 6       | TPC              | Huỳnh Minh Việt        |                                                                       | Thành viên HĐQT/<br>Members of the board of director | Người nội bộ/<br>Internal Person         |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Huỳnh Minh Tâm         |                                                                       | Không/None                                           | Cha/Father                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thị Ánh         |                                                                       | Không/None                                           | Mẹ/Mother                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Nguyễn Thị Hồng Mận    |                                                                       | Không/None                                           | Vợ/Wife                                  |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Huỳnh Minh Thành       |                                                                       | Không/None                                           | Anh/Brother                              |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Huỳnh Thị Yến Ly       |                                                                       | Không/None                                           | Chị/Sister                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Huỳnh Minh Vũ          |                                                                       | Không/None                                           | Em/Brother                               |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           |                                                            |
|         | TPC              | Huỳnh Cao Oanh         |                                                                       | Không/None                                           | Con/Child                                |                                                  |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         |                                                                  | 10/04/2025                                                         |                                                           | Còn nhỏ                                                    |
| 7       | TPC              | Ngô Thị Thanh Huyền    |                                                                       | Thành viên HĐQT/<br>Members of the board of director | Người nội bộ/<br>Internal Person         |                                                  |                 |                        |                        |                                               | 209,200                    | 0.86%                         | 10/04/2025                                                       |                                                                    |                                                           |                                                            |



| Stt No. | Mã CK<br>Stock<br>Code | Họ tên<br>Name         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Transaction<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position (if any)       | Mối quan hệ<br>đối với công ty/<br>người nội bộ | Loại<br>hình<br>Giấy<br>NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy<br>ĐKKD) | Số Giấy NSH<br>(*)/ | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội bộ | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 13<br>và 14) | Ghi chú<br>(về việc<br>không có<br>số Giấy<br>NSH và<br>các ghi chú<br>khác) |
|---------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                      | 3                      | 4                                                                                       | 5                                                          | 6                                               | 7                                                                       | 8                   | 9                            | 10                        | 11                                               | 12                               | 13                                     | 14                                                                               | 15                                                                                 | 16                                                                                   | 17                                                                           |
|         | TPC                    | Võ Thị Kim Loan        |                                                                                         | Không/None                                                 | Me/Mother                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  |                                  | -                                      | 0.00%                                                                            | 10/04/2025                                                                         |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Phạm Công Tài          |                                                                                         | Không/None                                                 | Chồng/Husband                                   |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  |                                  | -                                      | 0.00%                                                                            | 10/04/2025                                                                         |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Phạm Ngô Anh Khôi      |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  |                                  | -                                      | 0.00%                                                                            | 10/04/2025                                                                         |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Phạm Ngô Minh Anh      |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  |                                  | -                                      | 0.00%                                                                            | 10/04/2025                                                                         |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
|         |                        |                        |                                                                                         |                                                            |                                                 |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  |                                  | -                                      | 0.00%                                                                            | 10/04/2025                                                                         |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
| 8       | TPC                    | Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa  |                                                                                         | Trưởng ban kiểm<br>soát/<br>Head of board of<br>supervisor | Người nội bộ/<br>Internal Person                |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | 2,050                            | 0.01%                                  | 28/11/2007                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Đặng Thị Cẩm Tú        |                                                                                         | Không/None                                                 | Vợ/Wife                                         |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 28/11/2007                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Lâm Minh Đạt           |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 28/11/2007                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
| 9       | TPC                    | Nguyễn Khánh Luân      |                                                                                         | Thành viên BKS/<br>Member of board<br>of supervisor        | Người nội bộ/<br>Internal Person                |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 26/04/2023                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Nguyễn Văn Đức         |                                                                                         | Không/None                                                 | Cha/Father                                      |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 26/04/2023                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Cao Thị Thanh Hương    |                                                                                         | Không/None                                                 | Me/Mother                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 26/04/2023                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Trần Thị Ánh Ngọc      |                                                                                         | Không/None                                                 | Vợ/Wife                                         |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 26/04/2023                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Nguyễn Trần Phương Yên |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 26/04/2023                                                                       |                                                                                    |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
|         | TPC                    | Nguyễn Trần Hoàng Phúc |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 26/04/2023                                                                       |                                                                                    |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
| 10      | TPC                    | Danh Thúy Oanh         |                                                                                         | Thành viên BKS/<br>Member of board<br>of supervisor        | Người nội bộ/<br>Internal Person                |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 22/05/2020                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Bùi Công Nghĩa         |                                                                                         | Không/None                                                 | Chồng/Husband                                   |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 22/05/2020                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Bùi Phương Lâm         |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 22/05/2020                                                                       |                                                                                    |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
|         | TPC                    | Bùi Danh Tâm Uyên      |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 22/05/2020                                                                       |                                                                                    |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
|         | TPC                    | Trần Thị Bòn           |                                                                                         | Không/None                                                 | Me/Mother                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 22/05/2020                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
| 11      | TPC                    | Phan Minh Tâm          |                                                                                         | Tổng giám<br>đốc/General<br>director                       | Người nội bộ/<br>Internal Person                |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 10/04/2025                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Lê Thị Minh Trí        |                                                                                         | Không/None                                                 | Vợ/Wife                                         |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 10/04/2025                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Phan Minh Triết        |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 10/04/2025                                                                       |                                                                                    |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
|         | TPC                    | Phan Minh Nhật         |                                                                                         | Không/None                                                 | Anh/Brother                                     |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 10/04/2025                                                                       |                                                                                    |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
|         | TPC                    | Phan Thanh Nhã         |                                                                                         | Không/None                                                 | Em/Brother                                      |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 10/04/2025                                                                       |                                                                                    |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
|         | TPC                    | Phan Duy Bảo           |                                                                                         | Không/None                                                 | Em/Brother                                      |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 10/04/2025                                                                       |                                                                                    |                                                                                      | Còn nhỏ                                                                      |
| 12      | TPC                    | Phạm Văn Mạo           |                                                                                         | Trưởng ban<br>đốc/Deputy                                   | Người nội bộ/<br>Internal Person                |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | 55,000                           | 0.23%                                  | 28/11/2007                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Phạm Trung Càng        |                                                                                         | Chủ tịch HĐQT/<br>Chairperson                              | Anh/Brother                                     |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | 3,223,220                        | 13.19%                                 | 28/11/2007                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Phạm Trung Hiếu        |                                                                                         | Không/None                                                 | Anh/Brother                                     |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 28/11/2007                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Trần Thị Hồng Tươi     |                                                                                         | Không/None                                                 | Vợ/Wife                                         |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 28/11/2007                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |
|         | TPC                    | Phạm Công Thoại        |                                                                                         | Không/None                                                 | Con/Child                                       |                                                                         |                     |                              |                           |                                                  | -                                | 0.00%                                  | 28/11/2007                                                                       |                                                                                    |                                                                                      |                                                                              |



| S/tt No. | Mã CK Stock Code | Họ tên Name        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Transaction account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----------|------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                | 3                  | 4                                                                     | 5                                              | 6                                         | 7                                                  | 8               | 9                      | 10                     | 11                                            | 12                         | 13                            | 14                                                                | 15                                                                  | 16                                                        | 17                                                         |
| 13       | TPC              | Nguyễn Văn Trinh   |                                                                       | Kế toán trưởng/ Chief accountant               | Người nội bộ/ Internal Person             |                                                    |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 02/05/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
|          | TPC              | Nguyễn Thị Học     |                                                                       | Không/None                                     | Mẹ/Mother                                 |                                                    |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 02/05/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
|          | TPC              | Nguyễn Thị Thu Vân |                                                                       | Không/None                                     | Vợ/Wife                                   |                                                    |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 02/05/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
|          | TPC              | Nguyễn Hải Đăng    |                                                                       | Không/None                                     | Con/Child                                 |                                                    |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 02/05/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
|          | TPC              | Nguyễn Đăng Khoa   |                                                                       | Không/None                                     | Con/Child                                 |                                                    |                 |                        |                        |                                               | -                          | 0.00%                         | 02/05/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |

**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**VICE CHAIRPERSON OF THE BOARD OF DIRECTORS**



(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
 (Sign, full name and seal)

**Tôn Thị Hồng Minh**